

5. Leib SL, Boscacci R, Gratzl O, Zimmerli W. Predictive Value of Cerebrospinal Fluid (CSF) Lactate Level Versus CSF/Blood Glucose Ratio for the Diagnosis of Bacterial Meningitis Following Neurosurgery. CLIN INFECT DIS. 1999;29(1):69-74. doi:10.1086/520184
6. Chen C, Zhang B, Yu S, et al. The Incidence and Risk Factors of Meningitis after Major Craniotomy in China: A Retrospective Cohort Study. Shamji M, ed. PLoS ONE. 2014;9(7): e101961. doi:10.1371/journal.pone.0101961
7. Korinek AM, Baugnon T, Golmard JL, van Effenterre R, Coriat P, Puybasset L. Risk Factors for Adult Nosocomial Meningitis After Craniotomy Role of Antibiotic Prophylaxis. Neurosurgery. 2006;59(1):126-133. doi:10.1227/01.NEU.0000220477.47323.92
8. Nhung KH, Chinh LQ. Đặc điểm lâm sàng và yếu tố nguy cơ viêm não thất ở bệnh nhân chảy máu não thất được đặt dẫn lưu não thất. TCNCYH. 2022;152(4):42-53. doi:10.52852/tcncyh.v152i4.681

KHẢO SÁT TÌNH TRẠNG SÂU RĂNG Ở TRẺ TỪ 3-5 TUỔI TẠI THÀNH PHỐ YÊN BÁI NĂM 2023 VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

Trần Đức Trinh¹, Nguyễn Thanh Bình¹,
Trần Thị Nga Liên², Nguyễn Thị Hồng Minh²

TÓM TẮT

Mục tiêu: Khảo sát tình trạng sâu răng ở trẻ từ 3-5 tuổi tại Tp Yên Bái năm 2023 và một số yếu tố liên quan. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang đã được tiến hành trên 354 trẻ 3-5 tuổi ở thành phố Yên Bái. Chẩn đoán sâu răng khi trẻ có ít nhất 01 chiếc răng bị sâu theo hướng dẫn của WHO. **Kết quả:** Tỷ lệ đối tượng có sâu răng là 82,8%. Phân tích hồi quy logistic đơn biến cho thấy các yếu tố liên quan đến tình trạng sâu răng ở trẻ 3-5 tuổi: nhóm 5 tuổi (so với nhóm 3 tuổi) với OR=4,21 (95%CI 1,89 – 9,38); tần suất chải răng (so với nhóm chải răng 2 lần/ngày): 1 lần/ngày OR=3,83 (95%CI: 1,79 – 8,91); dưới 1 lần/ngày 6,41 (95%CI: 2,41 – 21,41); chải răng ngang (so với chải răng dọc và xoay) OR=2,34 (95%CI: 1,03 – 5,13); thường xuyên ăn đồ ngọt/quả vặt OR=1,97 (95%CI: 1,00 – 3,82); ăn quà vặt cả ngày (so với ăn buổi sáng) OR=2,85 (95%CI: 1,13 – 6,84), mỗi liên quan có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. **Kết luận:** Tỷ lệ mắc sâu răng khá cao ở nhóm 3-5 tuổi. Kiểm soát các yếu tố tần suất chải răng, cách chải răng, thói quen ăn đồ ngọt để giảm nguy cơ sâu răng ở trẻ.

Từ khóa: sâu răng, trẻ em, 3-5 tuổi, Yên Bái

SUMMARY

DENTAL CARIES STATUS AND RISK FACTORS AMONG 3–5-YEAR-OLD CHILDREN IN YEN BAI CITY, YEN BAI PROVINCE AND SOME FACTORS RELATED

Objectives: To find out the prevalence of dental caries among 3-5 year old pre-schoolers in Yen Bai city, Yen Bai province and some factors related. **Subjects and Methods:** Cross-sectional research

was conducted on 354 children 3-5 years old in Yen Bai city. Diagnose dental caries when a child has at least one tooth with tooth decay according to WHO guidelines. **Results:** Prevalence of dental caries was 82.8%. Univariate logistic regression analysis showed factors related dental caries: 5-year-old group (compared to the 3-year-old group) with OR=4.21 (95%CI 1.89 – 9.38); tooth brushing frequency (compared to the group brushing teeth twice a day): once/day OR=3.83 (95%CI: 1.79 – 8.91); less than once/day 6.41 (95%CI: 2.41 – 21.41); horizontal brushing (compared with vertical and rotating brushing) OR=2.34 (95%CI: 1.03 – 5.13); regularly eating sweets/snacks OR=1.97 (95%CI: 1.00 – 3.82); eating snacks all day (compared to eating in the morning) OR=2.85 (95%CI: 1.13 – 6.84), association was statistically significant with $p < 0.05$. **Conclusion:** The prevalence of dental caries was relatively high in the 3-5 year old group. Control the factors of dental caries frequency, tooth brushing method, and sweet eating habits to reduce the risk of tooth decay in children. **Keywords:** dental caries, 3–5-year-old children, Yen Bai

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, tình trạng sâu răng là bệnh phổ biến nhất ở trẻ em và đang là vấn đề đang được quan tâm. Sâu răng ở lứa tuổi mầm non được đặc trưng bởi sự hiện diện của một hoặc nhiều vùng răng bị sâu (chưa có lỗ hoặc đã có lỗ), mất răng (do sâu). Sâu răng ở trẻ mầm non có thể dẫn đến nguy cơ đau đớn, viêm nang, nguy cơ sâu răng ở răng vĩnh viễn, ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống liên quan đến sức khỏe miệng của trẻ em. Mặc dù có thể ngăn ngừa được, sâu răng ở trẻ mầm non vẫn có tỷ lệ phổ biến cao ở trẻ em trên toàn cầu. Một đánh giá hệ thống gần đây đã báo cáo tỷ lệ phổ biến sâu răng ở trẻ kết hợp là 48% trên toàn thế giới dựa trên các nghiên cứu khác nhau liên quan đến sử dụng tiêu chí của Tổ chức Y tế Thế giới [1]. Tỷ lệ

¹Trường Đại Học Kinh Doanh Và Công Nghệ Hà Nội

²Bệnh viện Răng Hàm Mặt trung ương Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Trần Đức Trinh

Email: bstrinh@gmail.com

Ngày nhận bài: 16.01.2024

Ngày phản biện khoa học: 19.2.2024

Ngày duyệt bài: 20.3.2024

phổ biến sâu răng trung bình ở trẻ 5 tuổi đã tăng từ 66% lên 70,9% trong thập kỷ qua, cho thấy sâu răng ở trẻ mầm non vẫn là vấn đề cần được quan tâm[1]. Cho đến nay, dữ liệu dịch tễ học về tình trạng sâu răng ở trẻ em 3-5 tuổi từ các khu vực nông thôn, miền núi phía bắc chưa nhiều. Do đó, nghiên cứu này nhằm mục tiêu khảo sát tình trạng sâu răng ở trẻ từ 3-5 tuổi tại Tp Yên Bái năm 2023 và một số yếu tố liên quan.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu. Đối tượng nghiên cứu là trẻ 3 - 5 tuổi và bố mẹ (hoặc người bảo hộ trẻ) tại một số trường mầm non, thành phố Yên Bái. Tiêu chuẩn loại trừ: trẻ đang mắc các bệnh toàn thân hoặc răng miệng cấp tính; trẻ mắc các dị tật bẩm sinh ảnh hưởng đến phát triển thể chất, tâm lý; trẻ có tiền sử dị ứng với fluor.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu: Áp dụng công thức tính cỡ mẫu ước lượng 1 tỉ lệ trong quần thể

$$n = \frac{Z_{1-\frac{\alpha}{2}}^2 P(1-P)}{d^2}$$

Trong đó: n: là cỡ mẫu tối thiểu; p: là tỷ lệ sâu răng ở trẻ 3-5 tuổi, $p = 0,71$ là tỷ lệ trẻ sâu răng trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Thảo.[2]; $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$; giá trị phân bố chuẩn, tính trên mức ý nghĩa thống kê 5%. $d = 0,05$ mức sai số tuyệt đối chấp nhận $\rightarrow n = 317$. Trên thực tế chúng tôi đã triển khai nghiên cứu trên 354 trẻ từ 3 – 5 tuổi tại 4 trường mầm non thuộc thành phố Yên Bái.

Biến số, chỉ số và các tiêu chí đánh giá:

- Đặc điểm chung: tuổi, giới
- Tình trạng sâu răng: theo khuyến nghị WHO 2013 (Oral Health Assessment Form for Children): một đối tượng được chẩn đoán là bị sâu răng khi có ít nhất 01 chiếc răng bị sâu [3]
- Một số yếu tố: tần suất đánh răng, thời gian trẻ chải răng hàng ngày, thời gian thay bàn chải, thói quen ăn đồ ngọt (mức độ, thời điểm), đã từng đi khám bác sĩ RHM.

Bảng 2. Một số yếu tố liên quan đến tình trạng sâu răng ở trẻ 3-5 tuổi

Đặc điểm tuổi, giới	Có sâu răng		Không có sâu răng		OR (95%CI)	p
	n	%	n	%		
Nhóm tuổi						
3 tuổi	44	67,7	21	32,3	1	
4 tuổi	104	78,8	28	21,2	1,77 (0,86 – 3,63)	0,09
5 tuổi	141	89,8	16	10,2	4,21 (1,89 – 9,38)	<0,01*
Giới						
Nam	150	79,8	38	20,2	1	
Nữ	139	83,7	27	16,3	1,30 (0,73 – 2,35)	0,34

2.3. Phương pháp xử lý số liệu. Nhập số liệu, xử lý số liệu bằng phần mềm STATA 17.0. Mô tả tình trạng sâu răng sử dụng thống kê mô tả tần suất và tỷ lệ %. Phân tích các yếu tố liên quan đến tình trạng sâu răng bằng chỉ số OR 95%CI, với $p < 0,05$ mỗi liên quan có ý nghĩa thống kê.

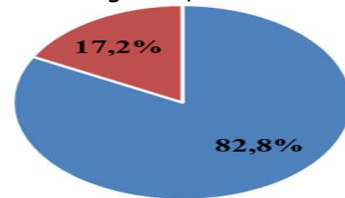
2.4. Đạo đức nghiên cứu. Nghiên cứu được thông qua Hội đồng đề tài cơ sở trường Đại học Kinh doanh và công nghệ. Bố/mẹ (người bảo trợ) của các trẻ đồng ý tham gia nghiên cứu được giải thích về mục đích và nội dung của nghiên cứu trước khi tiến hành khám. Mọi thông tin cá nhân của đối tượng nghiên cứu, số liệu của cuộc điều tra, phỏng vấn sẽ được giữ kín.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n=354)

Đặc điểm	n	%
Nhóm tuổi		
36 tháng - <48 tháng	65	18,4
48 tháng- <60 tháng	132	37,3
60 tháng – 72 tháng	157	44,4
Giới		
Nam	188	53,1
Nữ	166	46,9
Tổng	354	100

Tỉ lệ đối tượng từ 60 – 72 tháng chiếm 44,4%; nhóm 48-<60 tháng chiếm 37,3%; nhóm 36-48 tháng chiếm 18,4%. Tỷ nam giới 53,1% cao hơn so với nữ giới 46,9%.



Biểu đồ 1. Tỷ lệ sâu răng ở nhóm đối tượng 3-5 tuổi (n=354)

Tỷ lệ đối tượng có sâu răng là 82,8%; không sâu răng là 17,2%.

Tần suất chải răng/rơ lưỡi vệ sinh răng miệng						
≥2 lần/ngày	120	70,6	50	29,4	1	
1 lần/ngày	92	90,2	10	9,8	3,83 (1,79 – 8,91)	<0,01*
Dưới 1 lần/ngày	77	93,9	5	6,1	6,41 (2,41 – 21,41)	<0,01*
Thời gian chải răng						
>3 phút	40	80,0	10	20,0	1	
2-3 phút	65	79,3	17	20,7	0,96 (0,36 – 2,47)	0,92
Dưới 2 phút	184	82,9	38	17,1	1,21 (0,50 – 2,74)	0,63
Cách chải răng						
Xoay tròn và chải dọc	35	71,4	14	28,6	1	
Chải dọc	60	80,0	15	20,0	1,60 (0,63 – 4,02)	0,27
Xoay tròn	24	77,4	7	22,6	1,37 (0,44 – 4,63)	0,55
Chải ngang	170	85,4	29	14,6	2,34 (1,03 – 5,13)	0,02*
Thay bàn chải mỗi năm						
≥2 lần	46	79,2	12	20,7	1	
1 lần	187	82,4	40	17,6	1,21 (0,54 – 2,61)	0,59
Không thay	56	81,2	13	18,8	1,12 (0,42 – 2,96)	0,79
Thói quen ăn đồ ngọt, quà vặt						
Không thường xuyên	47	72,3	18	27,7		
Thường xuyên	242	83,7	47	16,3	1,97 (1,00 – 3,82)	0,03*
Thời điểm thường ăn quà vặt						
Buổi sáng	20	64,5	11	35,5	1	
Buổi tối	77	81,9	17	18,1	2,49 (0,90 – 6,68)	0,33
Cả ngày	192	82,8	37	16,2	2,85 (1,13 – 6,84)	0,01*
Đi khám bác sĩ răng hàm mặt						
≥2 lần	36	73,5	13	26,5	1	
1 lần	91	80,5	22	19,5	1,49 (0,62 – 3,49)	0,32
Chưa lần nào	162	84,4	30	15,6	1,95 (0,85 – 4,31)	0,08
Tổng	289	100	65	100		

Phân tích hồi quy logistic đơn biến cho thấy các yếu tố liên quan đến tình trạng sâu răng ở trẻ 3-5 tuổi: nhóm 5 tuổi (so với nhóm 3 tuổi) với OR=4,21 (95%CI 1,89 – 9,38); tần suất chải răng (so với nhóm chải răng 2 lần/ngày): 1 lần/ngày OR=3,83 (95%CI: 1,79 – 8,91); dưới 1 lần/ngày 6,41 (95%CI: 2,41 – 21,41); chải răng ngang (so với chải răng dọc và xoay) OR=2,34 (95%CI: 1,03 – 5,13); thường xuyên ăn đồ ngọt/quà vặt OR=1,97 (95%CI: 1,00 – 3,82); ăn quà vặt cả ngày (so với ăn buổi sáng) OR=2,85 (95%CI: 1,13 – 6,84), mỗi liên quan có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

Các yếu tố về thời gian chải răng, thay bàn chải, đi khám bác sĩ nha khoa chưa thấy có mối liên quan đến tình trạng sâu răng.

IV. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu chúng tôi đánh giá trên 354 trẻ, với tỉ lệ nhóm trẻ 4 tuổi chiếm 44,4%; nhóm 5 tuổi chiếm 37,3%; nhóm 3 tuổi chiếm 18,4%. Tỷ nam giới 53,1% cao hơn so với nữ giới 46,9%. Đặc điểm này cũng tương đồng với các nghiên cứu trước ở nhóm trẻ 3-5 tuổi. Tỷ lệ đối tượng có sâu răng là 82,8%; không sâu răng

*Mỗi liên quan có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$ là 17,2%. Theo phân loại mức độ sâu răng của tổ chức y tế thế giới (WHO) [3], tỷ lệ sâu răng trên 80% được đánh giá ở mức cao, từ 50% đến 80% là mức trung bình và dưới 50% là mức thấp, theo đánh giá này tỷ lệ sâu răng trong nghiên cứu của chúng tôi thuộc mức khá cao.

Tỷ lệ sâu răng của trẻ trong nghiên cứu có sự thay đổi theo độ tuổi của trẻ. Nhóm 3 tuổi có tỷ lệ sâu răng thấp nhất (67,7%). Tỷ lệ sâu răng của nhóm 3 tuổi thấp hơn so với các nhóm còn lại là do nhóm 3 tuổi răng sữa mới hình thành, ngoài ra số lượng răng sữa của nhóm này chưa đầy đủ, đa số còn thiếu răng hàm. Tỷ lệ sâu răng của trẻ ở các nhóm 4 tuổi, 5 tuổi lần lượt là 78,8%; 89,8%. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng, ngay từ nhỏ trẻ đã rất dễ bị mắc bệnh sâu răng. Sâu răng từ giai đoạn sớm ảnh hưởng rất lớn đến khả năng nhai, thẩm mỹ và có thể ảnh hưởng đến thể chất của trẻ. Nghiên cứu của chúng tôi tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Thị Minh Hiền với tỷ lệ sâu răng ở nhóm 3-5 tuổi là 87,3% [4]. Tuy nhiên cao hơn so với nghiên cứu của Vũ Văn Tâm tại Vĩnh phúc là 71,3%, trong nghiên cứu này tỷ lệ sâu răng cũng tăng dần theo tuổi nhóm 3 tuổi tỉ lệ thấp nhất 40,0%; 4 tuổi

71,2%, 5 tuổi 77,5% [5], nghiên cứu của Trần Tấn Tài (2022) ghi nhận tỷ lệ trẻ có tình trạng sâu răng là 77,2% [6]. Một số nghiên cứu ngoài nước cũng cho thấy tỉ lệ sâu răng tuy nhiên thấp hơn so với nghiên cứu của chúng tôi Tumaini S. Ndekero 55,2% [7]. Nghiên cứu của Nguyễn Tuyết Nhung (2019), nghiên cứu trên 247 trẻ 24 – 71 tháng tại thành phố Cần Thơ lại ghi nhận tỷ lệ sâu răng sớm là 92,7% cao hơn hẳn so với nghiên cứu của chúng tôi [8].

Lý do dẫn đến tình trạng sâu răng cao ở trẻ có thể được giải thích bởi nhiều yếu tố khách quan cũng như chủ quan, như thói quen ăn uống nhiều bữa, ăn nhiều thức ăn chứa đường (sữa, bánh kẹo, nước ngọt,...), vệ sinh răng miệng kém, chưa có các biện pháp dự phòng sâu răng hợp lý, nồng độ fluor trong nguồn nước sinh hoạt không đủ. Trong nghiên cứu này chúng tôi cũng đánh giá một số yếu tố liên quan đến nguy cơ sâu răng của trẻ 3-5 tuổi. Phân tích hồi quy logistic đơn biến cho thấy các yếu tố liên quan đến tình trạng sâu răng ở trẻ 3-5 tuổi: nhóm có tuổi từ 60-71 tháng (so với nhóm 36-47 tháng) với OR=4,21 (95%CI 1,89 – 9,38); tần suất chải răng (so với nhóm chải răng 2 lần/ngày): 1 lần/ngày OR=3,83 (95%CI: 1,79 – 8,91); dưới 1 lần/ngày 6,41 (95%CI: 2,41 – 21,41); chải răng ngang (so với chải răng dọc và xoay) OR=2,34 (95%CI: 1,03 – 5,13); thường xuyên ăn đồ ngọt/quả vật OR=1,97 (95%CI: 1,00 – 3,82); ăn quả vật cả ngày (so với ăn buổi sáng) OR=2,85 (95%CI: 1,13 – 6,84), mỗi liên quan có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Các yếu tố về thời gian chải răng, thay bàn chải, đi khám bác sĩ nha khoa chưa thấy có mối liên quan đến tình trạng sâu răng. Trong nghiên cứu của Trần Tấn Tài (2022) khi tìm hiểu về mối liên quan giữa các yếu tố liên quan đến sâu răng ở trẻ cho thấy: so với trẻ đánh răng 1 lần/ngày, trẻ đánh răng 2 lần/ ngày có nguy cơ sâu răng giảm 0,47 lần, có ý nghĩa thống kê (OR = 0,47; 95%CI: 0,26 – 0,85; $p < 0,05$). Cũng theo kết quả phân tích hồi quy logistic đa biến: các yếu tố nhóm tuổi, bố mẹ giúp đánh răng và thói quen ăn đồ ngọt có liên quan chặt chẽ với tình trạng sâu răng của trẻ [6]. Tác giả Lưu Văn Tường (2020) nghiên cứu trên 1203 trẻ 3 tuổi tại Hà Nội kết luận những yếu tố nguy cơ làm tăng sâu răng là: lỗ sâu ở ngà, đốm trắng đục trên mặt răng, trẻ thường xuyên ăn vặt và trẻ đánh răng với kem có fluor 2 lần/ngày làm giảm nguy cơ sâu răng [9]. Tumaini S. Ndekero cũng cho thấy không có mối liên quan giữa tỉ lệ mắc bệnh sâu răng ở giới tính Phân tích hồi quy logistic cho thấy các yếu

tố có mối liên quan với sâu răng: tuổi cao hơn, quan điểm của cha mẹ về tình trạng sức khỏe răng miệng của trẻ em tồi tệ hơn. [7]. Kết quả các nghiên cứu tìm ra được mối liên hệ giữa các yếu tố về thói quen, thực hành vệ sinh răng miệng của trẻ với tình trạng sâu răng. Sự khác nhau về các mối liên hệ với sâu răng của các nghiên cứu có thể do sự khác nhau giữa phương pháp nghiên cứu, độ tuổi đối tượng nghiên cứu, cỡ mẫu nghiên cứu, sự phát triển về kinh tế khác nhau giữa các vùng, dẫn đến nguy cơ bị sâu răng khác nhau. Việc đánh giá các yếu tố liên quan trên giúp chúng tôi ghi nhận và tập trung tư vấn, can thiệp với các biện pháp thích hợp.

V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ sâu răng ở nhóm trẻ 3-5 tuổi ở thành phố Yên Bái khá cao 82,8%. Các yếu tố liên quan đến nguy cơ sâu răng của trẻ là tuổi 60-71 tháng; chải răng từ 1 lần/ngày trở xuống, chải răng ngang, thói quen thường xuyên ăn đồ ngọt/quả vật, thường ăn quả vật cả ngày. Cần có biện pháp can thiệp dự phòng sâu răng thích hợp, góp phần giảm tỷ lệ sâu răng cho nhóm 3-5 tuổi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Uribe, S.E., N. Innes, and I. Maldupa**, The global prevalence of early childhood caries: a systematic review with meta-analysis using the WHO diagnostic criteria. *International journal of paediatric dentistry*, 2021. 31(6): p. 817-830.
2. **Nguyễn Thị Thảo, Nguyễn Thị Hồng Minh và Lê Hưng**, Thực trạng sâu răng sữa ở trẻ dưới 36 tháng tuổi tại trường mầm non Nguyên Khê, Đông Anh, Hà Nội năm 2022. *Tạp chí Y học Việt Nam*, 2023. 523(1).
3. **World Health Organization**, Oral Health Assessment Form for Children. 2013.
4. **Nguyen, H.T.M., K.D. Ngo, and V.H.A. Dien**, Dental caries status and risk factors among 1–5-year-old children with cleft lip and palate. *VNUHCM Journal of Health Sciences*, 2021. 2(2): p. 177-184.
5. **Vũ Văn; Tâm, Nguyễn Hữu; Nhân và Hoàng Quý**, Tình hình nghiên cứu tình trạng sâu răng của trẻ mầm non 3-6 tuổi thuộc xã Văn Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN*, 2017. 33(2S): p. 134-139.
6. **Trần Tấn Tài và Hoàng Vũ Minh**, Khảo sát tình hình sâu răng sữa và các yếu tố liên quan ở trẻ mầm non thành phố Huế năm 2020. *Tạp chí Y Dược học - Trường Đại học Y Dược Huế*, 2022. 2.
7. **Ndekero, T.S., L.C. Carneiro, and R.M. Masumo**, Prevalence of early childhood caries, risk factors and nutritional status among 3-5-year-old preschool children in Kisarawe, Tanzania. *PloS one*, 2021. 16(2): p. e0247240.
8. **Nguyễn Tuyết Nhung, Nguyễn Trung Kiên và Nguyễn Kim Định**, Tình hình sâu răng sớm ở trẻ 24 - 71 tháng tại các trường mầm non nội ô thành phố Cần Thơ, Việt Nam. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ* 2019. 19: p. 1-7.